

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 58

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 56 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diệm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lee Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đề ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61005161/21092963/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 26 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.948.025.846	18.478.339.161
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	93.805.124	94.833.376
111	1. Tiền		92.858.724	94.833.376
112	2. Khoản tương đương tiền		946.400	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.399.500.099	2.562.934.174
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	176.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	2.399.500.099	2.386.288.453
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.194.417.065	12.128.902.472
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	5.570.677.259	1.736.794.206
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.013.074.459	3.173.845.608
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	5.768.509.482	3.244.879.900
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.865.662.718	3.997.067.028
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(23.801.744)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	6, 8	(23.787.107) 280.254	(23.801.744) 117.474
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.821.547.415	3.318.187.832
141	1. Hàng tồn kho		3.823.004.591	3.319.750.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.457.176)	(1.562.454)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		438.756.143	373.481.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	101.781.148	84.936.480
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	336.167.539	288.544.827
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	807.456	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019


Ngàn VND

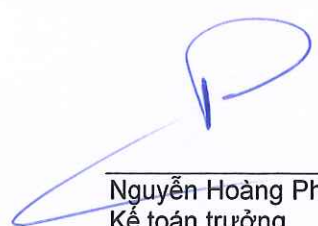
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.990.131.003	27.857.319.580
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		38.280.300	38.258.300
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	14.850.000	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	23.430.300	23.408.300
220	II. Tài sản cố định		5.386.934.895	5.134.856.176
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.529.366.056	1.251.589.930
222	Nguyên giá		2.388.703.404	2.007.402.639
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(859.337.348)	(755.812.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.857.568.839	3.883.266.246
228	Nguyên giá		4.043.318.352	4.040.980.722
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(185.749.513)	(157.714.476)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.850.820.908	1.633.671.691
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.850.820.908	1.633.671.691
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	22.552.206.238	20.920.404.417
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	21.947.601.264	20.975.242.790
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	11.340.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	765.126.405	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(171.861.431)	(124.478.742)
260	V. Tài sản dài hạn khác		161.888.662	130.128.996
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	134.130.265	129.450.940
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	27.758.397	678.056
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		53.938.156.849	46.335.658.741


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.208.822.899	19.236.456.747
310	I. Nợ ngắn hạn		23.204.503.494	19.232.308.482
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	7.357.049.671	6.159.904.855
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	87.483.501	2.558.002.625
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	20.830.925	30.115.963
314	4. Phải trả người lao động		23.837.667	2.860.419
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	45.991.702	118.921.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.888.288	1.275.009
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	6.302.683.000	212.247.655
320	8. Vay ngắn hạn	22	9.360.577.013	10.148.818.826
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		4.319.405	4.148.265
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		339.481	757.983
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.979.924	3.390.282
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.729.333.950	27.099.201.994
410	I. Vốn chủ sở hữu		30.729.333.950	27.099.201.994
411	1. Vốn cổ phần	23.1	16.950.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.950.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	3.620.919.783	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	10.158.414.167	10.489.323.157
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.455.323.157	4.164.009.925
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.703.091.010	6.325.313.232
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		53.938.156.849	46.335.658.741


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	23.425.596.116	22.159.467.541
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(194.037)	(90.780)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	23.425.402.079	22.159.376.761
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(22.429.721.565)	(21.272.653.210)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		995.680.514	886.723.551
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	2.115.045.800	3.224.436.884
22	7. Chi phí tài chính	26	(575.954.957)	(178.377.848)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(365.506.104)	(54.703.441)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(494.983.652)	(320.283.217)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(369.887.285)	(327.724.786)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.669.900.420	3.284.774.584
31	11. Thu nhập khác	29	47.748.508	32.642.515
32	12. Chi phí khác	29	(39.771.604)	(20.135.444)
40	13. Lợi nhuận khác	29	7.976.904	12.507.071
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.677.877.324	3.297.281.655
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(1.866.655)	(41.050.811)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	27.080.341	(1.219)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.703.091.010	3.256.229.625

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.677.877.324	3.297.281.655
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	144.600.801	110.011.917
03	Trích lập các khoản dự phòng		47.262.775	35.451.003
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		74.782.533	48.617.796
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.996.202.839)	(3.135.020.110)
06	Chi phí lãi vay	26	365.506.104	54.703.441
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		313.826.698	411.045.702
09	Tăng các khoản phải thu		(3.164.170.416)	(3.167.551.915)
10	Tăng hàng tồn kho		(525.674.898)	(1.253.064.784)
11	Tăng các khoản phải trả		4.307.423.861	6.512.930.813
12	Tăng chi phí trả trước		(17.613.549)	(38.346.083)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		176.645.721	123.676.637
14	Tiền lãi vay đã trả		(366.861.796)	(52.915.022)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(4.732.800)	(375.994)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		718.842.821	2.535.399.354
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(604.763.935)	(208.940.286)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		509.073	5.812.834
23	Gửi tiết kiệm ngân hàng và cho đơn vị khác vay		(5.516.899.956)	(490.741.095)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		2.980.058.727	672.810.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.678.872.282)	(1.715.698.757)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.687.772	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		1.690.113.713	1.498.967.307
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.120.166.888)	(237.789.997)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		3.961.040.946	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	13.202.754.331	2.606.913.504
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(14.007.451.710)	(3.718.706.881)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.4	(756.048.444)	(1.067.630.995)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		2.400.295.123	(2.179.424.372)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.028.944)	118.184.985
60	Tiền đầu kỳ		94.833.376	55.347.383
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		692	17.449
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	93.805.124	173.549.817


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 56 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 7.080 người (31 tháng 12 năm 2018: 6.265 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đề ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro nhiều trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan. |
| Xe các loại | - giá mua theo phương pháp thực tế đích danh. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.
Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê
Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê
Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính và bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe của Công ty mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.14 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Thu nhập cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt	36.109.216	42.969.043
Tiền gửi ngân hàng	55.996.757	51.864.333
Tiền đang chuyển	752.751	-
Khoản tương đương tiền (*)	946.400	-
TỔNG CỘNG	93.805.124	94.833.376

(*) Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:		
Lợi nhuận chuyển về từ các công ty con được cần trừ với công nợ	695.540.091	897.086.874

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trái phiếu chuyển đổi (i) (Thuyết minh số 32)	2.216.880.000	2.216.880.000
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (ii)	182.620.099	169.408.453
TỔNG CỘNG	2.399.500.099	2.386.288.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

(i) Chi tiết trái phiếu chuyển đổi vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
		Ngàn VND		%/ năm		
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HA Agrico")	2.216.880.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2019	0%	Đầu tư các dự án nông nghiệp và tái cấu trúc tài chính của HA Agrico	Không có tài sản đảm bảo

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2018/NQ-HĐQT/THACO ngày 2 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua 221.688 trái phiếu chuyển đổi do HA Agrico phát hành với mệnh giá là 10.000.000 VND/trái phiếu. Theo đó, Công ty và HA Agrico đã ký kết Hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi số 01/2018 ngày 3 tháng 8 năm 2018 và Công ty đã hoàn tất việc mua toàn bộ số lượng trái phiếu chuyển đổi nêu trên vào ngày 8 tháng 8 năm 2018 (Thuyết minh số 34).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã sử dụng các trái phiếu chuyển đổi này để thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông Nghiệp Thadi ("Thadi"), công ty con của Công ty, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Việt Nam Thịnh Vượng.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ("Shinhan Việt Nam") có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản tiền gửi này đang được bảo lãnh cho các khoản vay của Soo Sung Motors Technology Co., Ltd, công ty con của Công ty, tại Shinhan Bank Co., Ltd - Korea.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên khác	2.151.870.596	1.632.911.238
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	<u>3.418.806.663</u>	<u>103.882.968</u>
TỔNG CỘNG	5.570.677.259	1.736.794.206
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(2.744.310)</u>	<u>(2.758.947)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	5.567.932.949	1.734.035.259

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	(2.758.947)	(603.500)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>14.637</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>(2.744.310)</u>	<u>(603.500)</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trả trước mua cổ phiếu (i)	949.212.591	1.554.528.174
Trả trước mua quyền sử dụng đất	631.386.172	621.840.712
Trả trước mua hàng hóa và dịch vụ	432.475.696	997.466.588
Trả trước đầu tư phòng trưng bày và tài sản	<u>-</u>	<u>10.134</u>
TỔNG CỘNG	2.013.074.459	3.173.845.608
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội</i>	170.000.000	170.000.000
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	214.387.186	708.068.386
<i>Khác</i>	1.628.687.273	2.295.777.222

(i) Đây là các khoản Công ty ứng trước tiền mua cổ phiếu. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến các khoản đầu tư cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	5.649.466.685	3.125.837.103
Cho vay bên khác	119.042.797	119.042.797
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ngọc Thy	98.000.000	98.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	15.977.949	15.977.949
- Khác	5.064.848	5.064.848
TỔNG CỘNG	5.768.509.482	3.244.879.900
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.042.797)	(21.042.797)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.747.466.685	3.223.837.103

Các khoản cho vay ngắn hạn của Công ty có lãi suất bình quân dao động từ 5%/năm đến 8%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	2.104.338.162	1.659.726.779
Tạm ứng cho nhân viên (i)	1.232.749.276	1.162.307.775
Thanh toán cho LC ủy thác	272.371.482	992.416.317
Thanh toán khác cho các công ty con	49.957.908	28.198.669
Lãi cho vay	33.484.904	51.856.273
Ký quỹ mở thư tín dụng	21.396.306	16.584.649
Khác	151.364.680	85.976.566
TỔNG CỘNG	3.865.662.718	3.997.067.028
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	2.500.424.009	2.787.161.457
<i>Bên khác</i>	1.365.238.709	1.209.905.571
Dài hạn		
Ký quỹ thuê văn phòng	12.570.995	12.570.995
Ký quỹ, ký cược	10.859.305	10.837.305
TỔNG CỘNG	23.430.300	23.408.300
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	12.570.995	12.570.995
<i>Bên khác</i>	10.859.305	10.837.305

(i) Số dư này chủ yếu là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa và xe các loại	3.335.600.316	(563.415)	2.903.644.745	(666.663)
Hàng mua đang đi trên đường	265.495.840	-	219.170.321	-
Nguyên vật liệu	199.534.367	(893.761)	174.044.095	(895.791)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.467.333	-	12.187.178	-
Công cụ, dụng cụ	7.906.735	-	10.703.947	-
TỔNG CỘNG	3.823.004.591	(1.457.176)	3.319.750.286	(1.562.454)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	1.562.454	1.721.184
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(105.278)	(194.808)
Số cuối kỳ	<u>1.457.176</u>	<u>1.526.376</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	101.781.148	84.936.480
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	45.607.494	43.643.588
Công cụ, dụng cụ đang dùng	26.804.893	24.462.321
Chi phí quảng cáo	17.364.006	5.002.487
Chi phí bảo trì	3.093.175	2.549.651
Khác	8.911.580	9.278.433
Dài hạn	134.130.265	129.450.940
Chi phí thuê văn phòng và đất	46.459.349	21.352.983
Chi phí bồi thường	30.205.850	31.686.519
Công cụ, dụng cụ đang dùng	29.225.332	42.678.431
Chi phí bảo trì	20.773.480	29.665.797
Khác	7.466.254	4.067.210
TỔNG CỘNG	235.911.413	214.387.420

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là khoản tiền Công ty cho một cá nhân và một tổ chức vay theo hợp đồng vay tiền ngày 24 tháng 11 năm 2017 với tổng số tiền là 14.850.000 ngàn VND trong thời hạn 3 năm và không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Ngân VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.388.393.040	124.704.073	366.704.591	110.759.429	16.841.506	2.007.402.639
Mua mới trong kỳ	5.384.291	8.525.107	5.638.083	2.219.746	2.234.990	24.002.217
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	253.296.999	9.238.990	113.857.778	2.482.158	431.838	379.307.763
Xóa sổ	(7.302.851)	-	(48.905)	(1.008.873)	-	(8.360.629)
Thanh lý	(6.558.333)	(1.003.944)	(178.919)	(245.673)	(33.803)	(8.020.672)
Giảm khác	(117.446)	(621.405)	(267.822)	(4.621.241)	-	(5.627.914)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	1.633.095.700	140.842.821	485.704.806	109.585.546	19.474.531	2.388.703.404
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	67.858.190	28.340.299	57.362.647	50.679.942	3.498.724	207.739.802
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	482.885.171	54.793.467	138.223.159	71.363.096	8.547.816	755.812.709
Khấu hao trong kỳ	67.358.842	9.339.658	29.698.095	8.507.928	1.661.241	116.565.764
Xóa sổ	(4.020.779)	-	(43.641)	(312.761)	-	(4.377.181)
Thanh lý	(6.289.148)	(811.643)	(178.919)	(198.257)	(33.803)	(7.511.770)
Giảm khác	(117.446)	(243.613)	-	(791.115)	-	(1.152.174)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	539.816.640	63.077.869	167.698.694	78.568.891	10.175.254	859.337.348
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	905.507.869	69.910.606	228.481.432	39.396.333	8.293.690	1.251.589.930
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	1.093.279.060	77.764.952	318.006.112	31.016.655	9.299.277	1.529.366.056

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.650.367.592	1.357.892.834	32.299.118	421.178	4.040.980.722
Mua mới trong kỳ	-	-	2.137.715	199.915	2.337.630
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.650.367.592	1.357.892.834	34.436.833	621.093	4.043.318.352
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	2.113.947	16.188.693	421.178	18.723.818
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	135.573.426	21.719.872	421.178	157.714.476
Hao mòn trong kỳ	-	24.091.327	3.939.321	4.389	28.035.037
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	-	159.664.753	25.659.193	425.567	185.749.513
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.650.367.592	1.222.319.408	10.579.246	-	3.883.266.246
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.650.367.592	1.198.228.081	8.777.640	195.526	3.857.568.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Hệ thống Showroom xe du lịch	450.533.461	438.524.775
Hệ thống Showroom xe thương mại	354.499.072	381.871.895
Nhà điều hành Chu Lai – Trường Hải	348.485.261	152.773.840
Dự án Cầu vượt nút giao giữa Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam, Chu Lai – Quảng Nam	345.980.884	340.485.902
Trung tâm Thương mại và Showroom tại Rạch Giá - Kiên Giang	247.713.228	246.651.180
Khác	103.609.002	73.364.099
TỔNG CỘNG	<u>1.850.820.908</u>	<u>1.633.671.691</u>

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	21.947.601.264	20.975.242.790
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	11.340.000	7.140.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	765.126.405	62.500.369
TỔNG CỘNG	<u>22.724.067.669</u>	<u>21.044.883.159</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(171.861.431)	(124.478.742)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng đầu tư vào công ty con</i>	<i>(171.861.431)</i>	<i>(124.478.742)</i>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>22.552.206.238</u>	<u>20.920.404.417</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	77,50	13.227.157.125	77,50	13.227.157.125
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	2.500.000.000	100	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông Nghiệp Thadi (*)	Sản xuất nông nghiệp	Đang hoạt động	75	675.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100	600.000.000	100	600.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tài Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	565.225.169	100	565.225.169
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kìa	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	500.000.000	100	500.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	400.000.000	100	400.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	350.000.000	100	350.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99	305.692.553	99,99	305.692.553
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	300.000.000	100	300.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	200.000.000	100	200.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	150.000.000	100	150.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Nghệ An	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,34	136.381.500	98,71	135.517.500

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,80	122.137.660	-	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100	113.568.005	100	113.568.005
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	108.604.000	100	108.604.000
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải – Bus Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Giao Thông Vận Tải Đồng Nai	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,80	94.700.342	99,80	94.700.342
Công ty TNHH Vận tải Nông sản Chuyên dụng Thaco	Vận tải	Đang hoạt động	100	90.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	87.893.147	100	87.893.147
Soo Sung Motors Technology Co., Ltd	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75	82.646.620	75	82.646.620
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	80.000.000	100	80.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	70.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Thân vỏ Ô tô THACO	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	67.200.000
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,50	51.150.000	77,50	51.150.000
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất Sormi romoóc	Đang hoạt động	51	45.900.000	51	45.900.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	44.331.950	100	44.331.950
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	44.100.000	100	44.100.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	40.409.360	100	40.409.360
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Mua bán phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	40.000.000	100	40.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	40.000.000	100	40.000.000
Công ty TNHH Thái Nguyên - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	38.500.000	100	38.500.000
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	37.730.000	100	37.730.000
Trường Cao đẳng THACO	Đào tạo	Đang hoạt động	100	33.105.970	100	33.105.970
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Điều Bàng	Thương mại	Đang hoạt động	100	32.500.000	100	32.500.000
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,80	31.886.597	99,80	31.886.597
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Tạm dừng hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Sản xuất máy móc	Đang hoạt động	100	30.000.000	100	15.710.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân	Dịch vụ thương mại	Đang hoạt động	99,80	29.940.000	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải THACO	Sản xuất & lắp ráp	Trước hoạt động	100	27.336.739	-	-

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.920.000	100	6.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Thương mại	Đang hoạt động	100	15.213.500	100	15.213.500
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.150.000	100	15.150.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	60	13.800.000	60	13.800.000
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	11.475.000	51	11.475.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	49	10.584.000	49	10.584.000
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Châu Âu Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	8.120.075	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	5.355.000	51	5.355.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai Trường Hải	Sản xuất keo	Đang hoạt động	100	2.878.455	100	2.878.455
Công ty TNHH Sản xuất Xe du lịch Chuyên dụng Cao cấp THACO	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	1.950.000	-	-
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	1.258.497	100	1.258.497
Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp chuyên Nông Lâm nghiệp THACO – Chu Lai (**)	Xây dựng	Trước hoạt động	100	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đã giải thể	-	-	100	10.000.000
TỔNG CỘNG				21.947.601.264		20.975.242.790
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(171.861.431)		(124.478.742)
GIÁ TRỊ THUẬN				21.775.739.833		20.850.764.048

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã sử dụng 31.500.000 cổ phần của Thadi để thế chấp cho các khoản vay của Thadi, công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty chưa góp vốn vào công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai	35	4.200.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Võ xe Triều Hải	30	2.640.000	30	2.640.000
TỔNG CỘNG		11.340.000		7.140.000

16.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
HA Agrico (*)	69.700.000	702.626.036	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	62.500.369	3.727.800	62.500.369
TỔNG CỘNG		765.126.405		62.500.369

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã sử dụng 27.112.000 cổ phiếu của HA Agrico để thế chấp cho các khoản vay của Thadi, công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Các bên khác (*)	6.653.989.723	3.826.756.732
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	703.059.948	2.333.148.123
TỔNG CỘNG	7.357.049.671	6.159.904.855

(*) Bao gồm trong khoản phải trả các bên khác là số tiền 6.078.998.201 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.312.964.424 ngàn VND) phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	2.464.978.217
Bên khác	87.483.501	93.024.408
TỔNG CỘNG	87.483.501	2.558.002.625

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(288.544.827)	3.668.070.631	(3.715.693.343)	(336.167.539)
Thuế khác	-	-	(807.456)	(807.456)
TỔNG CỘNG	(288.544.827)	3.668.070.631	(3.716.500.799)	(336.974.995)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.206.054	3.806.682.669	(3.795.774.093)	16.114.630
Thuế thu nhập cá nhân	17.278.216	38.039.466	(51.091.786)	4.225.896
Thuế nhập khẩu	4.586.849	402.254.668	(406.841.517)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.866.145	1.866.655	(4.732.800)	-
Thuế khác	178.699	3.732.392	(3.420.692)	490.399
TỔNG CỘNG	30.115.963	4.252.575.850	(4.261.860.888)	20.830.925

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí lãi vay	20.421.091	21.776.784
Lương tháng 13 và thưởng	-	82.362.744
Khác	25.570.611	14.781.875
TỔNG CỘNG	45.991.702	118.921.403

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.250.915.284	176.650.111
Cổ tức phải trả	9.958.274	8.850.347
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	7.250.844	5.876.157
Khác	34.558.598	20.871.040
TỔNG CỘNG	6.302.683.000	212.247.655

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Nhận trong năm	Trả trong năm	Đánh giá lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Vay ngân hàng (*)	4.931.722.010	9.105.584.331	(7.465.375.103)	16.455.566	6.588.386.804
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	5.214.009.195	4.097.170.000	(6.542.076.607)	-	2.769.102.588
Vay từ bên khác	3.087.621	-	-	-	3.087.621
TỔNG CỘNG	10.148.818.826	13.202.754.331	(14.007.451.710)	16.455.566	9.360.577.013

(*) Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	1.513.927.342	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Hà Nội	812.914.857	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Parisbas – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	614.453.758	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	419.000.000	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citi Bank (Việt nam) – Chi nhánh Thành phố Hà Nội	414.610.005	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV United Overseas - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	400.000.000	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	325.510.728	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân VND				
Ngân Hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	320.907.743	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	300.000.000	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	283.650.000	12 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	213.171.949	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Singapore)	202.927.138	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng JP Morgan Chase Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	178.319.938	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	175.638.978	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Maybank tại Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	156.490.332	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	124.255.385	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	88.778.589	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) - Chi nhánh Đà Nẵng	43.830.062	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
TỔNG CỘNG	6.588.386.804			

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	16.580.000.000	29.878.837	8.143.209.925	24.753.088.762
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	3.256.229.625	3.256.229.625
Cổ tức công bố	-	-	(1.989.600.000)	(1.989.600.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	16.580.000.000	29.878.837	9.409.839.550	26.019.718.387
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	16.580.000.000	29.878.837	10.489.323.157	27.099.201.994
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.703.091.010	1.703.091.010
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (i)	66.958.570	-	-	66.958.570
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược (ii)	303.041.430	3.591.040.946	-	3.894.082.376
Cổ tức công bố (iii)	-	-	(2.034.000.000)	(2.034.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	16.950.000.000	3.620.919.783	10.158.414.167	30.729.333.950

(i) Vào ngày 4 tháng 1 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 100/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận việc phát hành cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty ("ESOP") theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 14 tháng 9 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2018/NQ-HĐQT/THACO và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/2018/NQ-HĐQT/THACO ngày 19 tháng 12 năm 2018. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 6.695.857 cổ phiếu cho người lao động của Công ty vào ngày 18 tháng 2 năm 2019 với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 5 tháng 3 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 1428/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 16.580.000.000 ngàn VND lên 16.646.958.570 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 29 tháng 3 năm 2019, Công ty nhận được Công văn số 1947/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 6 tháng 3 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT/THACO ngày 7 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT/THACO ngày 14 tháng 3 năm 2019. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 30.304.143 cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư chiến lược vào ngày 3 tháng 4 năm 2019 với mức giá phát hành là 128.500 VND/cổ phiếu. Vào ngày 3 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 2170/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 16.646.958.570 ngàn VND lên 16.950.000.000 ngàn VND và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 22 tháng 4 năm 2019.
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 24 tháng 4 năm 2019, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 12% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 12% này, tương đương với 2.034.000.000 ngàn VND, vào ngày 14 tháng 5 năm 2019.

23.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.463.000.359	14.630.003.590	86,31	1.432.292.396	14.322.923.960	86,39
Cổ đông cá nhân	231.999.641	2.319.996.410	13,69	225.707.604	2.257.076.040	13,61
TỔNG CỘNG	1.695.000.000	16.950.000.000	100,00	1.658.000.000	16.580.000.000	100,00

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cổ phiếu đã được duyệt	1.695.000.000	1.658.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ Cổ phiếu phổ thông	1.695.000.000 1.695.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.695.000.000 1.695.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND/cổ phiếu.

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	16.580.000.000	16.580.000.000
Tăng vốn trong kỳ	370.000.000	-
<i>Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty</i>	66.958.570	-
<i>Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược</i>	303.041.430	-
Số cuối kỳ	<u>16.950.000.000</u>	<u>16.580.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã trả trong kỳ	756.048.444	1.067.630.995
Cổ tức công bố	2.034.000.000	1.989.600.000

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Doanh thu gộp	23.425.596.116	22.159.467.541
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	18.123.616.568	17.244.117.634
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	4.261.294.830	4.024.745.694
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.014.665.730	827.457.393
<i>Khác</i>	26.018.988	63.146.820
Các khoản giảm trừ doanh thu	(194.037)	(90.780)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(194.037)	(90.780)
DOANH THU THUẦN	<u>23.425.402.079</u>	<u>22.159.376.761</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	18.123.616.568	17.244.117.634
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	4.261.100.793	4.024.654.914
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.014.665.730	827.457.393
<i>Khác</i>	26.018.988	63.146.820
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	17.698.805.514	17.732.111.087
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	5.726.596.565	4.427.265.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thu nhập từ cổ tức	1.821.380.422	3.104.248.173
Lãi cho vay	161.478.101	22.271.740
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	75.729.666	64.319.361
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	43.113.466	25.293.303
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.344.145	8.304.307
TỔNG CỘNG	<u>2.115.045.800</u>	<u>3.224.436.884</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Giá vốn xe các loại đã bán	17.457.469.443	16.545.850.214
Giá vốn phụ tùng đã bán	4.084.899.737	3.972.580.770
Giá vốn dịch vụ cung cấp	883.712.240	687.041.039
Khác	3.640.145	67.181.187
TỔNG CỘNG	<u>22.429.721.565</u>	<u>21.272.653.210</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Lãi vay	365.506.104	54.703.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	142.587.554	87.889.035
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	47.382.689	35.645.811
Khác	20.478.610	139.561
TỔNG CỘNG	<u>575.954.957</u>	<u>178.377.848</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí nhân viên	218.129.826	143.335.031
Chi phí quảng cáo	76.224.740	31.378.653
Chi phí thuê	51.960.612	36.322.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.887.830	31.102.053
Chi phí khấu hao và hao mòn	34.462.752	23.538.977
Chi phí giao hàng	28.882.761	21.333.960
Công cụ và thiết bị	14.558.096	11.818.409
Khác	27.877.035	21.453.616
TỔNG CỘNG	494.983.652	320.283.217

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí nhân viên	158.877.394	141.644.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.365.899	95.552.821
Chi phí khấu hao và hao mòn	47.748.417	50.252.125
Công cụ, dụng cụ	7.440.008	5.680.645
Khác	40.455.567	34.594.998
TỔNG CỘNG	369.887.285	327.724.786

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thu nhập khác	47.748.508	32.642.515
Chi phí trả hộ	10.738.560	137.306
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	8.553.266	8.745.341
Thu nhập từ dịch vụ hỗ trợ	7.260.786	6.753.427
Phí thanh lý hợp đồng	4.049.688	-
Thu nhập dịch vụ đăng kí xe ô tô	364.112	617.744
Khác	16.782.096	16.388.697
Chi phí khác	(39.771.604)	(20.135.444)
Chi phí trả hộ	(10.301.814)	(2.152.874)
Chi phí hoạt động cho thuê	(7.547.217)	(4.808.358)
Xóa sổ tài sản cố định	(3.983.447)	-
Chi phí hoạt động hỗ trợ	(2.157.785)	(5.314.983)
Chi phí dịch vụ đăng kí xe ô tô	(51.477)	(11.931)
Khác	(15.729.864)	(7.847.298)
LỢI NHUẬN KHÁC	7.976.904	12.507.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Giá vốn hàng hóa	22.343.183.800	20.972.595.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.377.210	452.469.848
Chi phí lương	416.119.877	233.189.059
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	144.600.801	110.011.917
Khác	74.870.560	152.395.239
TỔNG CỘNG	<u>23.352.152.248</u>	<u>21.920.661.213</u>

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	41.050.811
Trích bổ sung thuế TNDN của kỳ trước	1.866.655	-
	1.866.655	41.050.811
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(27.080.341)	1.219
TỔNG CỘNG	<u>(25.213.686)</u>	<u>41.052.030</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.677.877.324	3.297.281.655
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	335.575.465	659.456.331
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(364.276.084)	(620.849.635)
Chi phí không được trừ	1.031.066	1.673.615
Dự phòng khoản đầu tư vào SMT	589.212	771.719
Trích bổ sung thuế TNDN của kỳ trước	1.866.655	-
Chi phí thuế TNDN	(25.213.686)	41.052.030

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	26.962.411	-	26.962.411	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	795.986	678.056	117.930	(1.219)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	27.758.397	678.056	27.080.341	(1.219)
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			27.080.341	(1.219)

Lỗ chuyển sang kỳ sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 134.812.056 ngàn VND (31 tháng 12 năm 2018: Không có) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Ngàn VND</i>		
			<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	
			<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>		
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	2024	134.812.056	-	-	134.812.056

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với số tiền là 26.962.411 ngàn VND đối với khoản lỗ lũy kế nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan của kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	14.209.982.392	9.620.308.774
		Bán hàng hóa	4.197.359.425	3.978.400.451
		Lợi nhuận nhận được	669.682.039	623.518.941
		Cung cấp dịch vụ	40.338.479	34.144.933
		Mua tài sản cố định	3.102.055	18.031.887
		Sử dụng dịch vụ	660.384	-
Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	3.149.033.742	2.607.486.051
		Lợi nhuận nhận được	68.558.898	167.984.468
		Cung cấp dịch vụ	17.473.940	18.551.688
		Bán hàng hóa	3.417.282	5.246.937
		Sử dụng dịch vụ	1.040.580	1.505.436
		Mua tài sản cố định	739.455	322.091
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty con	Góp vốn	675.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	30.030	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Cho vay	513.590.000	-
		Lãi cho vay	43.693.960	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	275.033.582	-
		Cung cấp dịch vụ	207.240	-
		Bán hàng hóa	-	260.000
		Góp vốn	-	1.290.567.194
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Bán hàng hóa	248.339.040	3.815.778
		Mua hàng	50.810.241	5.941.984
		Lợi nhuận nhận được	10.152.957	9.260.810
		Sử dụng dịch vụ	2.118.790	4.965.076
		Cung cấp dịch vụ	308.153	119.010
		Mua tài sản cố định	-	184.048
Công ty TNHH MTV Trường Hải Bình Dương	Công ty con	Mua hàng	131.425.641	6.386.531
		Bán hàng hóa	122.106.433	24.218.229
		Lợi nhuận nhận được	16.512.279	26.000.478
		Sử dụng dịch vụ	928.295	324.288
		Cung cấp dịch vụ	30.563	20.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan của kỳ này và kỳ trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	238.140.199	242.221.026
		Cung cấp dịch vụ	109.339	158.893
		Sử dụng dịch vụ	6.542	-
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	124.474.084	8.548.600
		Mua hàng	65.205.991	1.018.657
		Cung cấp dịch vụ	89.239	8.807
		Sử dụng dịch vụ	9.307	8.610
		Mua hàng	101.212.270	21.967.891
		Bán hàng hóa	51.747.665	7.151.610
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Góp vốn	9.920.000	-
		Lợi nhuận nhận được	5.549.205	8.166.738
		Sử dụng dịch vụ	54.252	-
		Cung cấp dịch vụ	14.118	3.992
		Cung cấp dịch vụ	150.745.807	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	10.765.752	-
		Mua tài sản cố định	28.380	-
		Lợi nhuận nhận được	117.203.653	126.383.355
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	389.052	63.682
		Mua hàng hóa	126.000	-
		Mua hàng	122.137.660	-
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên	Công ty con	Mua hàng	122.137.660	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	90.159.624	126.383.355
		Cung cấp dịch vụ	32.882	63.682
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp THACO	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	41.580.300	1.078.380.740
		Cung cấp dịch vụ	134.266	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng hóa	62.256.517	11.362.789
		Mua hàng	44.824.836	2.337.295
		Cung cấp dịch vụ	11.100	-
		Sử dụng dịch vụ	3.080	2.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan của kỳ này và kỳ trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty TNHH MTV Trường Hải Bắc Ninh	Công ty con	Bán hàng hóa	89.097.220	3.308.303
		Mua hàng	2.678.344	2.743.493
		Lợi nhuận được nhận	177.514	1.137.505
		Cung cấp dịch vụ	15.388	8.293
		Sử dụng dịch vụ	5.315	-
Công ty TNHH Vận tải Nông sản Chuyên dụng Thaco	Công ty con	Góp vốn	90.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Mua hàng hóa	42.141.203	2.834.716
		Bán hàng	18.851.475	2.373.295
		Lợi nhuận nhận được	9.421.968	16.131.729
		Cung cấp dịch vụ	16.637	32.934
		Sử dụng dịch vụ	6.903	6.182
Công ty TNHH Một thành viên Huế Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	39.059.329	1.224.091
		Mua hàng hóa	27.466.792	-
		Lợi nhuận nhận được	2.547.672	2.959.670
		Cung cấp dịch vụ	11.411	-
		Sử dụng dịch vụ	909	4.524
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Góp vốn	-	3.100.000
		Bán hàng	39.839.947	2.082.771
		Mua hàng hóa	22.540.971	1.295.989
		Lợi nhuận nhận được	579.385	2.527.759
		Cung cấp dịch vụ	57.436	2.094
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	29.391	8.544
		Góp vốn	-	4.213.122
		Lợi nhuận nhận được	52.555.936	44.978.598
		Bán hàng hóa	1.360.000	-
		Cung cấp dịch vụ	149.302	57.110
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	131.770	78.420
		Mua hàng	29.072.480	9.862.504
		Bán hàng hóa	15.070.143	8.631.474
		Sử dụng dịch vụ	166.643	35.681
		Cung cấp dịch vụ	18.508	19.372
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	27.261.732	25.037.752
		Mua hàng	10.973.685	-
		Sử dụng dịch vụ	4.753.415	1.622.681
		Cung cấp dịch vụ	230.681	74.643
		Bán hàng hóa	10.488	298.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan của kỳ này và kỳ trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	38.544.636	41.026.153
		Mua hàng	1.892.935	-
		Sử dụng dịch vụ	1.004.413	441.400
		Cung cấp dịch vụ	22.516	3.016
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Bán hàng hóa	20.303.524	1.389.442
		Mua hàng	13.092.783	3.456.594
		Lợi nhuận nhận được	46.024	-
		Cung cấp dịch vụ	14.875	5.898
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	28.147.780	5.714.808
		Mua hàng	2.087.370	561.810
		Cung cấp dịch vụ	42.744	55.516
		Sử dụng dịch vụ	9.183	1.409
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải THACO	Công ty con	Góp vốn	27.336.739	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	18.144.062	-
		Mua hàng	5.359	-
		Góp vốn	-	127.158.442
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô THACO	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	14.998.192	41.908.204
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	13.355.992	29.021.074
		Mua hàng hóa	1.063.861	-
		Sử dụng dịch vụ	84.532	592.153
		Cung cấp dịch vụ	29.545	587
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Công ty con	Góp vốn	14.290.000	10.660.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trái phiếu chuyển đổi	<u>2.216.880.000</u>	<u>2.216.880.000</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	3.233.229.791	15.622
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Bán hàng	67.465.145	1.843.494
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	26.465.423	4.710
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Bán hàng	15.030.437	15.621.659
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diêu Bằng	Công ty con	Bán hàng	13.575.733	11.902.691
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Bán hàng	10.732.525	-
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	8.855.675	3.068.554
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng	8.023.933	8.798.248
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Bán hàng	7.514.654	11.025.798
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Bán hàng	7.240.873	5.518.582
Soosung Motors Technology Co., Ltd	Công ty con	Bán hàng	4.713.032	4.700.848
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	3.595.736	603.000
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng	2.387.568	2.387.568
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	1.773.406	10.580
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Bán hàng	1.731.233	2.072.425
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	1.582.748	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	646.887	3.735.884
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Bán hàng	473.585	1.184.033
Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	165.619	13.280.093
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Công ty con	Bán hàng	76.995	14.586.327
Khác	Công ty con	Bán hàng	3.525.665	3.522.852
TỔNG CỘNG			<u>3.418.806.663</u>	<u>103.882.968</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Các cá nhân	Thành viên Ban Quản lý	Ứng tiền đầu tư	158.913.701	158.913.701
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	26.648.930	14.724.273
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	14.610.137	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	14.148.718	7.403.328
Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua xe và phụ tùng	-	482.663.778
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	-	43.704.422
Khác	Công ty con	Ứng tiền dịch vụ và mua phụ tùng	65.700	658.884
TỔNG CỘNG			<u>214.387.186</u>	<u>708.068.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Cho vay	3.214.053.000	2.074.898.255
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Cho vay	1.259.722.000	746.132.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty con	Cho vay	838.765.309	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện thân Vỏ Ô tô THACO	Công ty con	Cho vay	92.200.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Xe Chuyên dụng THACO	Công ty con	Cho vay	91.050.000	61.080.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	72.590.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	41.336.376	234.366.848
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh THACO	Công ty con	Cho vay	16.000.000	6.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai	Công ty liên kết	Cho vay	10.500.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	8.150.000	3.360.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	4.200.000	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Cho vay	900.000	-
TỔNG CỘNG			5.649.466.685	3.125.837.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	490.239.914	349.119.616
		Thanh toán khác	61.558	671.851
		Thanh toán cho LC ủy thác	-	741.446.056
		Thanh toán cho dự án Fuso	-	38.674.770
		Lãi cho vay	-	141.356
Công ty TNHH MTV Giao nhận – Phân phối Ô tô	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	477.112.917	408.554.020
		Thanh toán khác	137.843	213.828
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	240.995.369	194.317.174
		Thanh toán khác	181.933	-
		Thanh toán cho LC ủy thác	21.851	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	168.490.467	181.162.854
		Lợi nhuận được nhận	18.144.062	28.883.722
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	185.532.680	146.988.044
		Lãi cho vay	284.076	1.748.098
		Thanh toán khác	371.147	-
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	110.153.563	98.919.399
		Thanh toán khác	6.358	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	108.253.404	92.746.506
		Thanh toán khác	1.000	597.604
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	71.048.439	60.282.688
		Thanh toán khác	331.059	140.510
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	57.023.610	-
		Thanh toán khác	72.199	386.812
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	50.562.234	43.554.593
		Thanh toán khác	500	49.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện thân Vỏ Ô tô THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	34.349.643 11.588.879 85.170	- - -
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Lãi cho vay	43.693.960	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Thanh toán khác	29.518.784 1.602.496	49.492.136 160.644
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Vĩnh Phúc	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	33.646.792 2.954.889	28.097.587 4.920.107
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	34.070.369 1.499.006	23.917.412 1.161.652
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Thanh toán khác	32.868.729 362.451	33.170.674 -
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay Thanh toán khác	29.385.436 297.321 -	28.991.055 - 796
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	23.975.528 5.756	26.393.658 2.756
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Thanh toán khác Lợi nhuận được nhận	23.928.964 50.441	23.781.298 50.441
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Thanh toán khác	23.376.085 96.484	23.390.089 -
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	16.044.560 14.107	- -
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	15.652.276 227.198	12.654.085 163.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất linh kiện composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	15.275.780 134.852	13.167.851 5.341
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	14.277.933 572.077	1.857.247 -
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Lãi cho vay	13.374.888 -	13.246.644 29.589
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	12.725.064 493.905	12.725.064 352.646
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	12.210.383	7.382.336
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	11.543.306	13.125.495
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	10.895.643 32.859	7.077.664 16.171
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	10.790.412	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	6.692.321 2.943.648	6.112.936 3.547.227
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	8.122.320 167.740	8.122.320 29.047
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	6.983.940 182.297	- -
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	6.494.889 244.085	13.744.371 -
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay Thanh toán khác	6.205.750 163.661 154.611	6.205.750 - 113.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Thanh toán khác	6.178.459	6.995.602
		Lợi nhuận được nhận	46.024	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	3.884.864	11.263.535
		Thanh toán khác	36.136	-
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Công ty con	Thanh toán khác	3.105.532	-
		Thanh toán cho LC ủy thác	508.611	-
Công ty TNHH ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty con	Thanh toán khác	43.604	-
Khác	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	4.709.059	15.241.312
		Thanh toán khác	2.907.849	1.852.338
TỔNG CỘNG			<u>2.500.424.009</u>	<u>2.787.161.457</u>
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ký quỹ thuê văn phòng	<u>12.570.995</u>	<u>12.570.995</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	540.671.613	2.274.895.641
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	111.124.733	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Mua hàng hóa	13.685.825	5.072.164
Công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Mua hàng hóa	7.213.603	7.966.437
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	5.871.292	5.282.772
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Mua hàng hóa	3.916.404	5.087.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Mua hàng hóa	3.717.480	2.798.634
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	3.052.502	4.012.656
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Mua hàng hóa	2.584.065	13.889.219
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương tiện Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	1.249.276	3.573.814
Khác	Công ty con	Xây dựng	4.780.359	-
		Mua hàng hóa	3.753.301	10.569.628
		Sử dụng dịch vụ	1.439.495	-
TỔNG CỘNG			703.059.948	2.333.148.123
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du Lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua hàng hóa	-	2.464.924.327
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Ứng tiền mua hàng hóa	-	50.000
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua hàng hóa	-	3.890
TỔNG CỘNG			-	2.464.978.217
Vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Vay	2.664.744.588	272.289.195
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Vay	68.558.000	-
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Công ty con	Vay	24.000.000	29.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Vay ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Công ty con	Vay	11.800.000	-
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Vay	-	3.189.630.000
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Vay	-	1.723.090.000
TỔNG CỘNG			2.769.102.588	5.214.009.195
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	4.111.205.233	1.128.981
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trần Oanh	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	1.141.280.475	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	772.444.783	-
Cá nhân	Cổ đông lớn	Lãi vay	-	20.609.701
		Cổ tức phải trả	135.563.154	-
Công ty TNHH MTV Phụ Tùng Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	30.002.636	30.002.636
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	27.684.665	-
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	24.707.850	-
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	5.909.740	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đô thị Đại Quang Minh	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	1.084.623	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	-	98.848.911
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lãi vay	-	14.337.475
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	-	9.687.772
Khác	Công ty con	Thu khác	1.032.125	2.034.635
TỔNG CỘNG			6.250.915.284	176.650.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lương và thưởng	<u>16.248.855</u>	<u>12.322.146</u>

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Dưới 1 năm	66.831.755	71.764.009
Trên 1 – 5 năm	142.677.968	243.524.947
Trên 5 năm	<u>150.760.587</u>	<u>166.303.724</u>
TỔNG CỘNG	<u>360.270.310</u>	<u>481.592.680</u>

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 2.131.995.109 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.574.217.123 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có khoản cam kết với tổng giá trị là 933.549.183 ngàn VND liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày, trung tâm thương mại xe và các dự án khác của Công ty. (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 828.161.967 ngàn VND).

Cam kết về bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty cam kết bảo lãnh cho THADI, công ty con của Công ty, đối với các nghĩa vụ của THADI tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2019, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của HA Agrico đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi các trái phiếu chuyển đổi của HA Agrico đã phát hành năm 2018. Theo Nghị quyết này, ngày thực hiện chuyển đổi các trái phiếu là ngày 9 tháng 8 năm 2019 với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi là 1:1000. Và cũng tại ngày 9 tháng 8 năm 2019, Công ty đã chuyển đổi thành công toàn bộ 221.688 trái phiếu của HA Agrico thành 221.668.000 cổ phiếu. Theo đó, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại HA Agrico là 26,29% sau đợt chuyển đổi trái phiếu này.

Ngoại trừ sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2019